

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2023

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.
Ông Đặng Quang Hoạch.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 942/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Tấn D, sinh năm: 1989.
 - Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm: 1988.
- Cùng địa chỉ: Số 172/6 ấp T, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(anh D, chị X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc có trong hồ sơ vụ án, anh Hồ Tấn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị X tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/9/2011. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung; hiện anh D và chị X không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị X.

Về con chung: Có 01 con chung là Hồ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 17/6/2013. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu Quỳnh A cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 09/01/2023, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn chị Nguyễn Thị X:** Đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có văn bản trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh D là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh D được ly hôn với chị X. Về con chung: Giao cháu Quỳnh Anh cho chị X nuôi dưỡng, tạm thời anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Anh D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh D phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Hồ Tấn D nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị X, sinh năm: 1988; địa chỉ: Số 172/6 ấp T, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh D nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh D.

Chị X đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Anh D và chị X tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 112/KH ngày 07/9/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh D kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị X vì anh chị đã không chung sống từ năm 2014, không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập chị X để làm việc nhưng chị X vắng mặt không có lý do, thể hiện việc chị X không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh D và chị X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D yêu cầu ly hôn với chị X là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có 01 con chung là cháu Hồ Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 17/6/2013. Ly hôn, anh D đồng ý giao cháu Quỳnh Anh cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu Quỳnh Anh đang do chị X trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Anh cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Xét, đây là sự tự nguyện của anh D do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Anh D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Tấn D về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với chị Nguyễn Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Tấn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị X.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 17/6/2013 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Hồ Tấn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị X mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày 30/3/2023 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày chị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D chậm thi hành án đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Hồ Tấn D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Hồ Tấn D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001669 ngày 03/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Hồ Tấn D phải nộp 300.000 đồng.

5. Anh Hồ Tấn D, chị Nguyễn Thị X có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương